

最后更新20.09.2026 05:13:22

前排序表

序号	姓名	国棋ID	会	等分	BdId	俱部/城市
1	Bùi, Quang Tiến		VIE	0		Clb Hoàng Gia
2	Cần, Hoàng Phát		VIE	0		Clb Hoàng Gia
3	Cao, Đăng Khôi		VIE	0		Clb Hoàng Gia
4	Cao, Đức Anh		VIE	0		Clb Hoàng Gia
5	Cao, Đức Thành		VIE	0		Clb Hoàng Gia
6	Đặng, Nhật Minh		VIE	0		Clb Hoàng Gia
7	Đinh, Minh Quang		VIE	0		Clb Hoàng Gia
8	Đỗ, Khôi Nguyên		VIE	0		Clb Sơn Tây
9	Đỗ, Phúc Khang		VIE	0		Clb Sơn Tây
10	Lê, Anh Tùng		VIE	0		Clb Hoàng Gia
11	Mai, Trọng Chính		VIE	0		Clb Hoàng Gia
12	Ngô, Đức Minh Khôi		VIE	0		Clb Hoàng Gia
13	Nguyễn, Anh Quân		VIE	0		Clb Quốc Oai
14	Nguyễn, Đỗ Thảo Vy (Nữ)		VIE	0		Clb Quốc Oai
15	Nguyễn, Hoàng Anh Khôi		VIE	0		Clb Hoàng Gia
16	Nguyễn, Hồng Phúc		VIE	0		Clb Hoàng Gia
17	Nguyễn, Hồng Quang		VIE	0		Clb Ba Vì
18	Nguyễn, Minh Anh (Nữ)		VIE	0		Clb Sơn Tây
19	Nguyễn, Ngọc Minh Khuê (Nữ)		VIE	0		Clb Hoàng Gia
20	Nguyễn, Nhật Minh		VIE	0		Clb Sơn Tây
21	Nguyễn, Quang Đăng		VIE	0		Clb Sơn Tây
22	Nguyễn, Quý Nhật Minh		VIE	0		Mầm Non Tân Lập
23	Phạm, Tuệ An (Nữ)		VIE	0		Clb Hoàng Gia

你找到次比所有料在 <https://chess-results.com/tnr1500050.aspx?lan=33>

国象棋比成服器: Chess-Results